



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK25

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 05/2025**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BDB			BDB
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BPC			BPC
13	BSC			BSC
14	BST			BST
15	BTW			BTW
16	BVS			BVS
17	BXH			BXH
18	CAP			CAP
19	CCR			CCR
20	CDN			CDN
21	CEO			CEO
22	CIA			CIA
23	CKV			CKV

24	CLH			CLH
25	CLM			CLM
26	CMS			CMS
27	CPC			CPC
28	CSC			CSC
29	CTB			CTB
30	CTT			CTT
31	CX8			CX8
32	D11			D11
33	DAD			DAD
34	DAE			DAE
35	DC2			DC2
36	DHP			DHP
37	DHT			DHT
38	DL1			DL1
39	DNC			DNC
40	DNP			DNP
41	DP3			DP3
42	DTD			DTD
43	DTK			DTK
44	DVM			DVM
45	DXP			DXP
46	EBS			EBS
47	EID			EID
48	GDW			GDW
49	GIC			GIC
50	GMX			GMX
51	HAD			HAD
52	HAT			HAT
53	HBS			HBS
54	HCC			HCC
55	HGM			HGM
56	HHC			HHC
57	HJS			HJS
58	HLC			HLC
59	HMR			HMR
60	HTC			HTC
61	HUT			HUT
62	HVT			HVT
63	IDC			IDC

64	IDV			IDV
65	INC			INC
66	INN			INN
67	IPA			IPA
68	IVS			IVS
69	KMT			KMT
70	KSF			KSF
71	KST			KST
72	L14			L14
73	LAS			LAS
74	LHC			LHC
75	LIG			LIG
76	MBS			MBS
77	MCC			MCC
78	MCF			MCF
79	MCO			MCO
80	MDC			MDC
81	MEL			MEL
82	MKV			MKV
83	MVB			MVB
84	NAG			NAG
85	NAP			NAP
86	NBC			NBC
87	NBW			NBW
88	NET			NET
89	NFC			NFC
90	NSH			NSH
91	NST			NST
92	NTH			NTH
93	NTP			NTP
94	PBP			PBP
95	PCE			PCE
96	PCH			PCH
97	PCT			PCT
98	PDB			PDB
99	PGN			PGN
100	PGS			PGS
101	PIA			PIA
102	PIC			PIC
103	PLC			PLC

104	PMB			PMB
105	PMC			PMC
106	PMP			PMP
107	PMS			PMS
108	POT			POT
109	PPP			PPP
110	PPS			PPS
111	PPY			PPY
112	PRC			PRC
113	PRE			PRE
114	PSC			PSC
115	PSD			PSD
116	PSE			PSE
117	PSI			PSI
118	PSW			PSW
119	PTS			PTS
120	PVB			PVB
121	PVC			PVC
122	PVG			PVG
123	PVI			PVI
124	PVS			PVS
125	QHD			QHD
126	QST			QST
127	RCL			RCL
128	S55			S55
129	S99			S99
130	SAF			SAF
131	SCG			SCG
132	SCI			SCI
133	SD5			SD5
134	SD9			SD9
135	SDC			SDC
136	SDN			SDN
137	SEB			SEB
138	SED			SED
139	SGC			SGC
140	SHE			SHE
141	SHN			SHN
142	SHS			SHS
143	SJ1			SJ1

144	SJE			SJE
145	SLS			SLS
146	SMN			SMN
147	STC			STC
148	SVN			SVN
149	SZB			SZB
150	TA9			TA9
151	TDT			TDT
152	TET			TET
153	THD			THD
154	THS			THS
155	THT			THT
156	TMB			TMB
157	TMC			TMC
158	TNG			TNG
159	TOT			TOT
160	TPH			TPH
161	TPP			TPP
162	TSB			TSB
163	TTC			TTC
164	TTT			TTT
165	TV4			TV4
166	TVD			TVD
167	UNI			UNI
168	V12			V12
169	VBC			VBC
170	VC3			VC3
171	VC6			VC6
172	VC7			VC7
173	VCC			VCC
174	VCS			VCS
175	VGS			VGS
176	VHE			VHE
177	VIF			VIF
178	VMS			VMS
179	VNC			VNC
180	VNR			VNR
181	VSA			VSA
182	VSM			VSM
183	VTH			VTH

184	VTZ			VTZ
185	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BBC			BBC
15	BCM			BCM
16	BFC			BFC
17	BHN			BHN
18	BIC			BIC
19	BID			BID
20	BKG			BKG
21	BMC			BMC
22	BMI			BMI
23	BMP			BMP
24	BRC			BRC
25	BSI			BSI
26	BTP			BTP
27	BTT			BTT
28	BVH			BVH
29	BWE			BWE
30	CCI			CCI
31	CCL			CCL

32	CDC			CDC
33	CHP			CHP
34	CII			CII
35	CLC			CLC
36	CLW			CLW
37	CMG			CMG
38	CMV			CMV
39	CNG			CNG
40	COM			COM
41	CRC			CRC
42	CSM			CSM
43	CSV			CSV
44	CTD			CTD
45	CTF			CTF
46	CTG			CTG
47	CTI			CTI
48	CTR			CTR
49	CTS			CTS
50	CVT			CVT
51	DAT			DAT
52	DBC			DBC
53	DBD			DBD
54	DBT			DBT
55	DCL			DCL
56	DCM			DCM
57	DGC			DGC
58	DGW			DGW
59	DHA			DHA
60	DHC			DHC
61	DHG			DHG
62	DHM			DHM
63	DIG			DIG
64	DPG			DPG
65	DPM			DPM
66	DPR			DPR
67	DRC			DRC
68	DRL			DRL
69	DSN			DSN
70	DTA			DTA
71	DTT			DTT
72	DVP			DVP
73	DXG			DXG
74	E1VFN30			E1VFN30
75	EIB			EIB
76	ELC			ELC

77	EVF			EVF
78	FIR			FIR
79	FMC			FMC
80	FPT			FPT
81	FRT			FRT
82	FTS			FTS
83	FUEMAV30			FUEMAV30
84	FUESSV30			FUESSV30
85	FUESSVFL			FUESSVFL
86	FUEVFNVD			FUEVFNVD
87	FUEVN100			FUEVN100
88	GAS			GAS
89	GDT			GDT
90	GEG			GEG
91	GEX			GEX
92	GMD			GMD
93	GMH			GMH
94	GSP			GSP
95	GTA			GTA
96	GVR			GVR
97	HAH			HAH
98	HAP			HAP
99	HAX			HAX
100	HCD			HCD
101	HCM			HCM
102	HDB			HDB
103	HDC			HDC
104	HDG			HDG
105	HHP			HHP
106	HHS			HHS
107	HHV			HHV
108	HMC			HMC
109	HPG			HPG
110	HQC			HQC
111	HRC			HRC
112	HSG			HSG
113	HSL			HSL
114	HTI			HTI
115	HTL			HTL
116	HTN			HTN
117	HTV			HTV
118	HUB			HUB
119	HVH			HVH
120	IDI			IDI
121	IJC			IJC

122	ILB			ILB
123	IMP			IMP
124	ITC			ITC
125	KBC			KBC
126	KDC			KDC
127	KDH			KDH
128	KHG			KHG
129	KHP			KHP
130	KMR			KMR
131	KOS			KOS
132	KSB			KSB
133	L10			L10
134	LAF			LAF
135	LBM			LBM
136	LCG			LCG
137	LGC			LGC
138	LHG			LHG
139	LIX			LIX
140	LM8			LM8
141	LPB			LPB
142	LSS			LSS
143	MBB			MBB
144	MCP			MCP
145	MIG			MIG
146	MSB			MSB
147	MSH			MSH
148	MSN			MSN
149	MWG			MWG
150	NAB			NAB
151	NAF			NAF
152	NAV			NAV
153	NBB			NBB
154	NCT			NCT
155	NHA			NHA
156	NHH			NHH
157	NHT			NHT
158	NKG			NKG
159	NLG			NLG
160	NNC			NNC
161	NSC			NSC
162	NTL			NTL
163	OCB			OCB
164	OPC			OPC
165	PAC			PAC
166	PAN			PAN

167	PC1			PC1
168	PDN			PDN
169	PDR			PDR
170	PET			PET
171	PGC			PGC
172	PGD			PGD
173	PGI			PGI
174	PHC			PHC
175	PHR			PHR
176	PJT			PJT
177	PLX			PLX
178	PNC			PNC
179	PNJ			PNJ
180	POW			POW
181	PPC			PPC
182	PTB			PTB
183	PVD			PVD
184	PVP			PVP
185	PVT			PVT
186	REE			REE
187	S4A			S4A
188	SAB			SAB
189	SAM			SAM
190	SBA			SBA
191	SBT			SBT
192	SCR			SCR
193	SCS			SCS
194	SFC			SFC
195	SFG			SFG
196	SFI			SFI
197	SGN			SGN
198	SGT			SGT
199	SHA			SHA
200	SHB			SHB
201	SHI			SHI
202	SHP			SHP
203	SIP			SIP
204	SJD			SJD
205	SJS			SJS
206	SKG			SKG
207	SMB			SMB
208	SRC			SRC
209	SSB			SSB
210	SSC	SSC		
211	SSI			SSI

212	ST8			ST8
213	STB			STB
214	STG			STG
215	SVC			SVC
216	SVI			SVI
217	SVT			SVT
218	SZC			SZC
219	SZL			SZL
220	TBC			TBC
221	TCB			TCB
222	TCH			TCH
223	TCL			TCL
224	TCM			TCM
225	TCO			TCO
226	TCT			TCT
227	TDG			TDG
228	TDM			TDM
229	TDP			TDP
230	TDW			TDW
231	TEG			TEG
232	THG			THG
233	TIP			TIP
234	TIX			TIX
235	TLG			TLG
236	TMP			TMP
237	TMS			TMS
238	TN1			TN1
239	TNC			TNC
240	TNH			TNH
241	TNT			TNT
242	TPB			TPB
243	TRA			TRA
244	TRC			TRC
245	TTA			TTA
246	TV2			TV2
247	TVS			TVS
248	TVT			TVT
249	UIC			UIC
250	VCB			VCB
251	VCF			VCF
252	VCG			VCG
253	VCI			VCI
254	VDP			VDP
255	VDS			VDS
256	VFG			VFG

257	VGC			VGC
258	VHC			VHC
259	VHM			VHM
260	VIB			VIB
261	VIC			VIC
262	VID			VID
263	VIP			VIP
264	VIX			VIX
265	VJC			VJC
266	VND			VND
267	VNG			VNG
268	VNM			VNM
269	VNS			VNS
270	VOS			VOS
271	VPB			VPB
272	VPD			VPD
273	VPG			VPG
274	VPI			VPI
275	VPS			VPS
276	VRC			VRC
277	VRE			VRE
278	VSC			VSC
279	VSH			VSH
280	VSI			VSI
281	VTO			VTO
282	VTP			VTP
283	YBM			YBM
284	YEG			YEG
285			DSC	DSC

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://www.abs.vn/bao-cao-thang-gui-so-ck-vn-t05-2025/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hường

